

MẪU ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

(Dành cho học phần lý thuyết + thảo luận / lý thuyết + thực hành)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
Bộ môn: Quản trị TNTMQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Khoa học hàng hóa

Trình độ đào tạo: Đại học Chính quy

1. Tên học phần (tiếng Việt): Khoa học hàng hóa

Tên học phần (tiếng Anh): Science merchandise

2. Mã học phần: ITOM

3. Số tín chỉ: 02

4. Cấu trúc:

- Giờ lý thuyết: 24

- Giờ thực hành: 00

- Giờ tự học: 60

- Giờ thảo luận: 06

- Giờ báo cáo thực tế: 00

5. Điều kiện của học phần:

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần song hành: Không

- Điều kiện khác: Không

Mã HP:

Mã HP:

Mã HP:

6. Mục tiêu của học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hàng hoá như phân loại, cơ cấu mặt hàng, cơ sở khoa học để xây dựng cơ cấu mặt hàng phong phú, hợp lí, mang lại hiệu quả cao trong kinh doanh, chất lượng của hàng hoá cũng như kiến thức chung về tiêu chuẩn hàng hoá và quy chuẩn kỹ thuật; Từ đó giúp sinh viên những kỹ năng cần thiết trong việc vận dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn kinh doanh.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học nắm được kiến thức, hiểu về khoa học hàng hóa, phân loại, kiểm tra đánh giá chất lượng hàng hóa, nhận diện được hàng giả hàng nhái, tiêu chuẩn kỹ thuật hàng hóa cơ bản.

- CLO2: Người học có kỹ năng phân tích và phản biện các vấn đề liên quan đến hàng hóa và chất lượng hàng hóa, đánh giá kiểm tra chất lượng hàng hóa và đề xuất giải pháp trong thực tiễn.

- CLO3: Người học có kỹ năng cơ bản trong lập luận, phản biện, giải quyết các tình huống cụ thể trong lĩnh vực khoa học hàng hóa

- CLO4: Có năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm, khả năng thích ứng với những thay đổi của môi trường làm việc thực tế; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

- Tiếng Việt: Học phần đề cập những vấn đề chung đối với hàng hoá, bao gồm: phân

loại, cơ cấu mặt hàng và cơ sở hình thành cơ cấu mặt hàng hợp lý, mã số mã vạch, ghi nhãn hàng hoá, các yêu cầu chung đối với chất lượng hàng hoá, các chỉ tiêu chất lượng, phương pháp kiểm tra đánh giá chất lượng, các yếu tố ảnh hưởng và làm biến động đến chất lượng hàng hoá, các biện pháp chăm sóc bảo quản, đồng thời đề cập đến vấn đề tiêu chuẩn hoá, quy chuẩn kỹ thuật cũng như tác động của nó đến sản xuất và kinh doanh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tiếng Anh: The subject introduces fundamental science of commodity such as : goods classification, goods structure, bar code, goods branding, general requirements for goods quality, methods of assessing quality, factors affecting goods quality, methods of keeping commodities in good condition. In addition, the subject deals with goods standardization, goods specifications as well as their effects on manufacturing and trading commodities in the situation of global economic integration.

9. Cán bộ giảng dạy học phần

9.1. CBGD cơ hữu: -PGS, TS Doãn Kế Bôn

-Ths.Mai Thanh Huyền

9.2. CBGD kiêm nhiệm: -Ths.Bùi Đức Dũng

9.3. CBGV thỉnh giảng: Không

9.4. Chuyên gia thực tế: Không

10. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Liên quan đến CDR của HP	Hướng dẫn đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Điểm chuyên cần (Đ ₁)	0,1	Chuyên cần	0,5	R1	CLO5	GV đánh giá mức độ đi học đầy đủ, chuyên cần của SV
		Ý thức học tập trên lớp	0,5		CLO5	GV đánh giá mức độ phát biểu, trao đổi ý kiến của SV liên quan đến bài học và hiệu quả của các đóng góp; mức độ vi phạm kỷ luật của SV trên lớp (vào lớp muộn, gây mất trật tự, không chú ý nghe giảng, không tuân thủ điều hành của GV)
2. Điểm thực hành (Đ ₂)	0,3					
2.1. Điểm kiểm tra (Đ _{kt})	0,15	Bài kiểm tra số 1	0,5		CLO1, CLO2	GV chấm bài kiểm tra
		Bài kiểm tra số 2	0,5		CLO1, CLO2	
2.2. Điểm đổi mới phương	0,15	Nội dung báo cáo và thuyết trình	0,7	R2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	GV đánh giá mức độ đạt yêu cầu về hình thức và nội dung bài

<i>pháp học tập (Đđm)</i>						<i>thảo luận nhóm; đánh giá phần trình bày slide, khả năng thuyết trình và bảo vệ bài báo cáo</i>
		<i>Làm việc nhóm</i>	<i>0,3</i>	<i>R3</i>	<i>CLO1,CLO2 ,CLO3,CLO 4</i>	<i>Các nhóm thảo luận tổ chức họp đánh giá mức độ tham gia nhóm, mức độ đóng góp cho nhóm, việc tổ chức và phối hợp các thành viên của nhóm</i>
3. Điểm thi hết HP (Đ₃)	0,6	Bài thi cuối kỳ: Thi tự luận theo Ngân hàng đề thi			CLO1, CLO2, CLO3,	Bộ môn phân công GV chấm bài thi theo quy định

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần theo quy định của khảo thí. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

* Yêu cầu: Đính kèm Rubric đánh giá (nếu có).

* Ghi chú:

(1) Điểm học phần được tính theo công thức sau: $D_{hp} = \sum_1^3 k_i D_i$

Trong đó: D_{hp} : Điểm học phần, lấy chính xác đến 1 chữ số thập phân

D_i : Điểm thành phần i ($i = 1,2,3$)

k_i : Trọng số điểm thành phần i ($i = 1,2,3$)

(2) Điểm thực hành được tính theo công thức sau: $D_{th} = \frac{D_{kt} + D_{đm}}{2}$

Trong đó: D_{th} : Điểm thực hành, lấy chính xác đến 1 chữ số thập phân

D_{kt} : Điểm kiểm tra trung bình các bài kiểm tra

$$D_{kt} = \frac{\sum_1^n D_{kt_i}}{n}$$

(D_{kt_i} : Điểm kiểm tra i ; n : Số bài kiểm tra)

$D_{đm}$: Điểm đổi mới phương pháp học tập, lấy chính xác đến 1 chữ số thập phân.

Điểm đổi mới có thể có nhiều điểm thành phần sẽ được tính như sau:

$$D_{đm} = \sum k_i D_{đm_i}$$

($D_{đm_i}$: Điểm đổi mới phương pháp học tập thành phần thứ i)

k_i : Trọng số điểm đổi mới phương pháp học tập thành phần thứ i)

(3) Rubric đánh giá điểm thành phần

Thành phần	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
		Mức F	Mức D	Mức C	Mức B	Mức A	

đánh		(0-3,9 điểm)	(4,0-5,4 điểm)	(5,5-6,9 điểm)	(7,0-8,4 điểm)	(8,5-10 điểm)	
giá	R1	Vắng mặt trên lớp trên 40% (Trường hợp này đồng nghĩa với việc người học không đủ điều kiện dự thi hết học phần)	Vắng mặt trên lớp từ trên 30-40%	Vắng mặt trên lớp từ trên 20-30%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ 0-10%	0,8
		Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học; có rất nhiều vi phạm kỷ luật	Hiếm khi phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp không hiệu quả; có nhiều vi phạm kỷ luật	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm kỷ luật	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm kỷ luật	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm kỷ luật	0,2
R2	Hình thức bài thảo luận nhóm	Không tuân thủ bố cục chung và yêu cầu của Giảng viên	Sơ sài, không đủ dung lượng;	Đủ dung lượng, trình bày rõ ràng	Rõ ràng, logic	Rõ ràng, logic, phong phú, đẹp	0,2
	Nội dung bào thảo luận nhóm	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu	Hầu như các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng	Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng	Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng và dễ hiểu	Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu	0,8
R3	Trình bày slide	Không có bài trình bày hoặc Slide quá nhiều lỗi, không tuân thủ yêu cầu của Giảng viên	Slide trình bày quá sơ sài, và ít hình ảnh minh họa	Slide trình bày với số lượng phù hợp, lỗi còn khá nhiều, hình ảnh minh họa chưa rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, thỉnh thoảng có lỗi, hình ảnh minh họa tương đối đẹp, thể hiện tương đối thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, hầu như không có lỗi, hình ảnh minh họa đẹp, thể hiện thành thạo trong trình bày	0,5
	Thuyết Trình, bảo vệ đề tài thảo luận	Không có người trình bày, Người nghe không hiểu; Trả lời câu hỏi yếu	Bài trình bày đầy đủ; Giọng nói nhỏ; Vượt quá rất nhiều thời gian quy định; chưa có tương tác với người nghe khi trình bày; Trả lời câu hỏi kém	Phần trình bày có bố cục rõ ràng; Giọng nói vừa phải, rõ ràng nhưng chưa liền mạch, còn phụ thuộc nhiều vào tài liệu, hơi quá quy định về thời gian trình bày, có tương tác với người nghe ở	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày.	0,5

				mức độ thấp; Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày; Trả lời câu hỏi trung bình	nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày; Trả lời câu hỏi chặt chẽ	Thời gian trình bày đúng quy định; Trả lời câu hỏi sắc sảo, rất chặt chẽ	
R4	<i>Bài nhận xét phản biện</i>	Không chú ý theo dõi bài thuyết trình, không đưa ra được nhận xét phản biện	Bài nhận xét phản biện sơ sài, không đúng yêu cầu	Bài nhận xét khá đầy đủ, một số nội dung luận giải chưa chặt chẽ	Bài nhận xét đầy đủ, luận giải tương đối chặt chẽ	Bài nhận xét rất đầy đủ, sắc sảo, luận giải chặt chẽ	0,5
	<i>Nêu câu hỏi phản biện</i>	Ý thức tham gia phản biện yếu, không đưa ra được câu hỏi	Tư duy phản biện kém, hầu hết câu hỏi đặt ra không đúng trọng tâm	Tư duy phản biện trung bình; Một số câu hỏi đặt ra chưa đúng trọng tâm	Tư duy phản biện tương đối chặt chẽ; Câu hỏi phản biện khá đúng trọng tâm	Tư duy phản biện sắc sảo, chặt chẽ; Câu hỏi phản biện rất hay	0,5
R5	<i>Điểm nhóm thảo luận lớp học phần tự giá các thành viên trong nhóm</i>	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất thấp; Không hoàn thành nhiệm vụ được giao	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm thấp; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức thấp	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm trung bình; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm tích cực; Có đóng góp tương đối hiệu quả; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất tích cực; Có đóng góp hiệu quả; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	1.0

11. Danh mục tài liệu tham khảo của học phần

T T	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Bộ môn QTTN TMQT		Bài giảng Tổng luận thương phẩm học	
Sách giáo trình, sách tham khảo				
2	Nguyễn Hữu Khóa	1997	Khoa học hàng hóa	NXB Giáo dục
3	PGS.TS Doãn Kế Bôn TS. Nguyễn Thị Thương Huyền	2009	Khoa học hàng hóa	NXB Tài chính
4	Quốc hội	2006	Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật	
5	Chính phủ	2013	Nghị định 185/2013/NĐ- CP	
Các website, phần mềm,...				
[6] www.tbtvn.org				

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần

St t	Các nội dung cơ bản theo chương, mục (đến 3 chữ số)	Phân bố thời gian			CĐR của chương g	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học của SV	Tài liệu tham khảo
		LT	TL/TH	KT				
	<p>Chương 1 Phân loại hàng hóa và mặt hàng</p> <p>1.1. Phân loại hàng hoá 1.1.1. Khái niệm, mục đích, ý nghĩa 1.1.2. Yêu cầu, nguyên tắc, tiêu thức phân loại 1.2. Mã số, mã vạch của hàng hoá 1.2.1. Mã số 1.2.2. Mã vạch 1.2.3. Ứng dụng của mã số, mã vạch hàng hoá 1.3. Ghi nhãn hàng hoá 1.3.1. Khái niệm 1.3.2. Mục đích 1.3.3. Yêu cầu trong nước và quốc tế về ghi nhãn hàng hóa, nội dung ghi nhãn 1.4. Mặt hàng và cơ cấu mặt hàng 1.4.1. Mặt hàng 1.4.2. Cơ cấu mặt hàng</p>	4		1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Diễn giải, thuyết trình, bài tập tình huống	Nghe giảng , phân tích tình huống, thảo luận, trả lời câu hỏi	[1] tr6-43 [2] tr13-27 [3] tr15-49
	<p>Chương II Chất lượng hàng hoá</p> <p>2.1. Một số khái niệm cơ bản 2.1.1. Khái niệm chất lượng 2.1.2. Chỉ tiêu chất lượng hàng hoá 2.1.3. Hệ số quan trọng của chỉ tiêu 2.2. Yêu cầu đối với chất lượng hàng hóa 2.2.1. Yêu cầu trước mắt và yêu cầu triển vọng 2.2.2. Yêu cầu chung đối với hàng hóa 2.3. Các chỉ tiêu chất lượng hàng hoá 2.3.1. Chỉ tiêu chức năng công dụng 2.3.2. Chỉ tiêu ECONOMIC 2.3.3. Chỉ tiêu thẩm mỹ 2.3.4. Chỉ tiêu kinh tế - xã</p>	6	2		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Diễn giải, thuyết trình, bài tập tình huống	Nghe giảng , phân tích tình huống, thảo luận, trả lời câu hỏi	[1] tr44-74 [2] tr28-75 [2] tr101-253 [3] tr55-104 [3] tr111-241

<p>hội</p> <p>2.4. Chỉ tiêu chất lượng của một số nhóm hàng</p> <p>2.4.1. Chỉ tiêu chất lượng đối với hàng may mặc</p> <p>2.4.2. Chỉ tiêu chất lượng đối với hàng giày dép</p> <p>2.4.3. Chỉ tiêu chất lượng đối với đồ gỗ</p> <p>2.4.4. Chỉ tiêu chất lượng đối với hàng thực phẩm</p> <p>2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng</p> <p>2.5.1. Các yếu tố ảnh hưởng gián tiếp</p> <p>2.5.2. Các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp</p> <p>2.6. Các yếu tố làm biến động chất lượng hàng hoá và biện pháp chăm sóc bảo quản hàng hoá</p> <p>2.6.1. Các yếu tố gây ra sự biến động chất lượng hàng hoá</p> <p>2.6.2. Các biện pháp chăm sóc, bảo quản hàng hoá</p>							
<p>Chương III</p> <p>Kiểm tra và đánh giá chất lượng hàng hoá</p> <p>3.1. Kiểm tra chất lượng hàng hoá</p> <p>3.1.1. Khái niệm và các hình thức kiểm tra chất lượng</p> <p>3.1.2. Các phương pháp kiểm tra chất lượng hàng hoá</p> <p>3.2. Đánh giá chất lượng hàng hoá</p> <p>3.2.1. Khái niệm</p> <p>3.2.2. Các phương pháp đánh giá chất lượng</p>	5		1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Diễn giải, thuyết trình, bài tập tình huống	Nghe giảng, phân tích tình huống, thảo luận, trả lời câu hỏi	[1] tr75-97 [2] tr75-89 [3] tr111-126
<p>Chương IV</p> <p>Hàng rào kỹ thuật trong thương mại và Tiêu chuẩn hóa hàng hóa</p> <p>4.1. Hàng rào kỹ thuật trong thương mại</p> <p>4.1.1. Khái niệm hàng rào kỹ thuật trong thương mại</p> <p>4.1.2. Phân loại, yêu cầu và mục đích của hàng rào kỹ thuật trong thương mại</p> <p>4.1.3. Hàng rào kỹ thuật trong thương mại của một số quốc gia trên thế giới</p> <p>4.2. Tiêu chuẩn hóa hàng</p>	5	2		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Diễn giải, thuyết trình, bài tập tình huống	Nghe giảng, phân tích tình huống, thảo luận, trả lời câu hỏi	[1] 98-119 [2] tr90-99 [4]

hóa 4.2.1 Khái niệm và mục đích tiêu chuẩn hoá 4. 2.2. Quy định của WTO về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật 4.2.3. Các loại và các cấp tiêu chuẩn của VN 4.2.4. Quy chuẩn kỹ thuật của VN							
Chương V Hàng giả, hàng nhái 5.1 Những vấn đề cơ bản về hàng giả, hàng nhái 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Nguyên nhân của nạn hàng giả, hàng nhái 5.1.3. Tác hại của nạn hàng giả, hàng nhái 5.2. Phòng chống hàng giả, hàng nhái 5.2.1. Vai trò và ý nghĩa của việc phòng chống hàng giả, hàng nhái 5.2.2. Biện pháp phòng chống hàng giả, hàng nhái.	4	2		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Diễn giải, thuyết trình, bài tập tình huống	Nghe giảng, phân tích tình huống, thảo luận, trả lời câu hỏi	[1] tr120-144 [5]

(*) Ghi chú:

- *Phân bố thời gian (LT/TL/TH/KT):* Xác định số tiết lý thuyết (LT), thảo luận (TL) / thực hành (TL), kiểm tra (KT) theo từng chương.
- *CĐR của chương:* Xác định CĐR cần đạt được của từng chương (theo CĐR của HP).
- *Phương pháp giảng dạy:* Nêu tên các phương pháp giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR (giải thích cụ thể, thuyết giảng, giải quyết vấn đề, phương pháp tình huống, thảo luận, học nhóm, thực tập, thực tế,...)
- *Hoạt động học của SV:* Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, nội dung nào, làm bài tập, trả lời câu hỏi,...); *Hoạt động tại lớp* (thảo luận nhóm, làm bài tập,...).
- *Tài liệu tham khảo:* Nêu tên, chương, mục các TLTK cần thiết cho từng chương (căn cứ vào danh mục TLTK trong mục 11).

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG